

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN BIÊN  
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28- 02-2018

V/v “*Xin ly hôn, nuôi con*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN**

***-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Thanh Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Minh Cảnh

2. Bà Nguyễn Ngọc Duyên

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Đen, cán bộ Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, Tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Khánh Trường – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 tháng 11 năm 2017 và ngày 28 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 197/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017, về việc tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2017/QĐST-DS, ngày 26 tháng 10 năm 2017 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa ngày 13 tháng 11 năm 2017, thông báo thời gian mở lại phiên tòa ngày 26 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Tú T, sinh năm 1996

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn TB, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Có mặt.

***2. Bị đơn:*** Anh Nguyễn Dũng T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp 6 Đình, xã NT, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***- Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/7/2017 và các lời khai khác tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Tú T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Dũng T chung sống với nhau vào năm 2015, trước khi chung sống hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo theo phong tục, tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tánh tình không hợp nhau, vợ chồng thường hay cự cãi, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và vợ chồng đã ly thân với nhau

hơn một năm nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 người con chung tên Nguyễn Kim N, sinh ngày 18/8/2016. Hiện nay cháu N đang anh T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung.

Về người khác nợ anh chị và anh chị nợ người khác: Không có.

Tại Tòa án, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị đồng ý để cháu Nguyễn Kim N cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn, anh Nguyễn Dũng T trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ là đúng.

Nay anh yêu cầu Toà án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Kim N đến tuổi trưởng thành. Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị T không có tài sản và không có nợ nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Phần các đương sự thống nhất:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh T thống nhất có một người con chung tên Nguyễn Kim N, sinh ngày 18/8/2016. Chị T và anh T thống nhất tiếp tục giao cháu N cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh T thống nhất chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T thống nhất không có tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa Kiểm sát Viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền và xác định đúng mối quan hệ tranh chấp “xin ly hôn và nuôi con”. Trong quá trình thụ lý vụ án, Thẩm phán đã tổ chức hòa giải, công khai chứng cứ và thu thập chứng cứ đúng theo trình tự Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử T hành phiên tòa sơ thẩm đúng theo trình tự Bộ luật tố tụng dân sự.

Thứ ký phiên tòa thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình.

Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nội dung vụ án: Việc chị T và anh T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật thừa nhận. Do đó, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh T. Về con chung: Ghi

nhận ý kiến chị T tiếp tục giao cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 18/8/2016 cho anh T nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ không có nên miễn xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn anh Nguyễn Dũng T cư trú tại địa bàn huyện An Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Do chị Nguyễn Tú T và anh Nguyễn Dũng T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định Luật hôn nhân và gia đình nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, hôn nhân giữa anh và chị không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Bởi, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: “ Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình nêu trên có quy định: “ Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của luật này.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Tú T và anh Nguyễn Dũng T.

Xét tại phiên tòa giữa chị T và anh T thống nhất thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, anh chị không đăng ký kết hôn như phân tích phần trên nên Hội đồng xét xử không công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị mà căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Tú T và anh Nguyễn Dũng T.

[4] Về qun hệ con chung: Hội đồng xét xử, xét thấy chị T và anh T có một người con Nguyễn Kim N, sinh ngày 18/8/2016. Tại phiên tòa chị T và anh T thống nhất thỏa thuận là giao cháu N cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Xét sự thỏa thuận của chị T và anh T là tự nguyện và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này của chị T và anh T.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình hiện hành có quy định” cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”.

Trong trường hợp này chị T không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T. Tuy nhiên, chị T và anh T thống nhất thỏa thuận là chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh T, xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của anh chị nên Hội đồng xét xử ghi nhận chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Chị T và anh T xác định anh và chị không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Về phần nợ người khác và người khác nợ: Chị T và anh T thống nhất không nợ ai và cũng không ai nợ anh chị nên không đề cập xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Căn cứ vào Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc chị T phải nộp án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

[9] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và ý kiến về nội dung vụ án là phù hợp với pháp luật như Hội đồng xét xử đã phân tích ở phần trên nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:** Khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

#### **Tuyên xử:**

1/. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Tú T và anh Nguyễn Dũng T.

2/. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Nguyễn Tú T và anh Nguyễn Dũng T là tiếp tục giao cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 18/8/2016 cho anh Nguyễn Dũng T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị T và anh T là chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T không trực tiếp nuôi con có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Khi cần thiết chị T và anh T có quyền làm đơn thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

4/. Về tài sản chung và nợ: Chị T và anh T xác định không có tài sản chung và không nợ ai nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

5/. Án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng)

Buộc chị Nguyễn Tú T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0006985 ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên. (Chị T đã nộp xong án phí).

**Quyền kháng cáo:** Án xử công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TA tỉnh;
- VKS tỉnh, huyện An Biên;
- THADS An Biên;
- UBND xã NT;
- UBND thị trấn TB;
- Các đương sự;
- Lưu.

(đã ký và đóng dấu)

**Võ Thanh Huyền**